TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/DS-PT
Ngày 02 - 6 - 2025
"V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Huệ

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 27 tháng 5 và ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 13/2025/TB-TA ngày 21/01/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2025/QĐPT-DS ngày 25/02/2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 85/2025/TB-TA ngày 18/4/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2025/QĐPT-DS ngày 16/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn S*:* Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn B*:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Huỳnh Thị B1, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Huỳnh Minh C1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Minh C1*:* Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1967 (có mặt); bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N1, *bà* Huỳnh Thị M*:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

5. Bà Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1979 (có mặt); và ông Lê Dũng H1, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: tổ H, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Kim C2*:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1996; địa chỉ: khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: tổ G, khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tống Văn N2, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Địa chỉ: Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Người làm chứng:*** Ông Bùi Ngọc T3, sinh năm 1957, địa chỉ: khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt).

- ***Người kháng cáo*****:** Bị đơn ông Huỳnh Tấn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, bà Huỳnh Thị Kim C2 (do bà Nguyễn Thị Bích N là người đại diện theo ủy quyền ký đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

1.1. Ông Huỳnh Văn S và người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:

Ông S yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh N3 là quyền sử dụng đất diện tích qua đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 thuộc thửa 223, 192 tờ bản đồ 26 (cũ là thửa 60; 279 tờ bản đồ số 82) tọa lạc tại thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ để ông S khởi kiện như sau:

Mẹ ông S tên Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1935 chết vào năm 1992; cha ông S tên Huỳnh N3, sinh năm: 1930 chết vào năm 2000. Cha mẹ ông S chết đều không để lại di chúc.

Bà Y và ông N3 có 09 người con như sau: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1952; Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957; Bà Huỳnh Thị B1, sinh năm 1959; Ông Huỳnh Minh C1, sinh năm 1960; Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1967; Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1969; Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1970; Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1975; Bà Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1979.

Khi còn sống bà Y và ông N3 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 145, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại thị trấn P, huyện X, được UBND huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/1994 cho ông Huỳnh N3 đứng tên (theo bản đồ số hóa năm 2005 là thửa 279; 60 tờ bản đồ số 82) và (theo bản đồ lập năm 2020 là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26). Sau khi bà Y và ông N3 mất thì ông Huỳnh Tấn B là người trực tiếp quản lý và sử dụng các thửa đất nêu trên và ông B tự coi đây là tài sản riêng của ông B. Ông S đã nhiều lần yêu cầu ông B đi làm các thủ tục để chia di sản thừa kế của ông N3 và bà Y nhưng ông B không đồng ý. Trên đất có 01 căn nhà gỗ do cha mẹ xây dựng năm 1977. Lúc đó, cha mẹ cùng tất cả những người con cùng sinh sống trên căn nhà này. Khi một số anh chị em có gia đình ra ở riêng thì ông B vẫn sống chung với cha mẹ và ông B tiếp tục sống trên căn nhà gỗ cho đến nay, căn nhà này hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, không còn giá trị sử dụng nên ông S không yêu cầu cũng như không tranh chấp gì. Thửa đất tranh chấp trước đây có các cây trồng do ông N3

và bà Y T4 nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bà C2 và ông H1 về xin ở và xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất, ngoài những cây ông N3 và bà Y T4 thì bà C2 và ông H1 còn trồng thêm một số cây trồng và một số nhà tạm để chăn nuôi trên đất (phần đất mà bà C2 đang sinh sống).

Nay ông S yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh N3 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 60, 279 tờ bản đồ số 82 (nay là 223, 192 tờ bản đồ 26) có diện tích qua đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X theo quy định của pháp luật. Phần đất thuộc các thửa 60; 279 tờ bản đồ số 82 nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26 qua đo đạc thực tế còn lại bao nhiêu thì ông S yêu cầu Tòa chia bấy nhiêu. Đối với các phần khác như đất giao thông, hay đất của người khác nhưng trước đây nằm trong diện tích đất 10.364m^2 thì ông S không yêu cầu, do quá trình sử dụng có nhiều biến động gia đình ông S cũng chưa đi đổi sổ mới, (do từ ngày ông N3 mất thì ông B là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông B không hợp tác, không thực hiện việc đổi sổ). Nay ông S yêu cầu chia theo diện tích đất đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

Ông S đồng ý với M1 trích đo địa chính ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cũng như giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Đối với thửa 223, tờ bản đồ 26 hiện nay ông B cho ông Nguyễn Văn T1 thuê, trên đất có trồng cây dừa, cây kiểng trên chậu có thể bứng đi được, ông S không có yêu cầu gì, ai được chia phần nào thì người đó tự thỏa thuận với ông T1. Đối với 300m^2 đất thổ cư trong diện tích 10.083,5m^2, hiện tại các anh, chị em ông S điều có nhà cửa, nơi ở ổn định. Riêng ông B chưa có nhà ở ổn định và bà C2 đã có nhà nhưng chưa có thổ cư nên ông S đồng ý chia 300m^2 thổ cư này cho ông B và bà C2 mỗi người ½ và ông B, bà C2 không phải hoàn trả giá trị 300m^2 đất thổ cư này cho các đồng thừa kế khác. Đối với các phần mộ trên đất thửa 223 (mộ của ông N3, bà Y…) thì ai được chia phần đất có mộ thì tiếp tục quản lý và các thừa kế khác được đến thăm viếng.

1.2. Nguyên đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:

Ông C đồng ý với lời trình bày của ông S và không bổ sung gì thêm.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Huỳnh Tấn B và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S và ông C. Mẹ của ông B tên Nguyễn Thị Y, sinh năm 1935 chết vào năm 1992; cha ông B tên Huỳnh N3, sinh năm 1930 chết vào năm 2000.

Bà Y và ông N3 có 08 người con chung như sau: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957; Bà Huỳnh Thị B1, sinh năm 1959; Ông Huỳnh Minh C1, sinh năm 1960; Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1967; Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1969; Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1970; Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1975; Bà Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1979.

Riêng ông Huỳnh Văn S là con riêng của bà Y. Ông S về sống với ông N3 lúc ông S được ba tuổi, việc này ông B nghe bà Y cũng như những người khác nói lại.

Khi còn sống thì cha mẹ ông B có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 145 tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ lập năm 1992), tương ứng với thửa 60 và thửa 279 tờ bản đồ số 82 (tờ bản đồ số hóa năm 2005), nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26 (tờ bản đồ lập năm 2020) qua đo đạc thực tế có diện tích 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X. Về nguồn gốc thửa đất trên là do ông N3 và bà Y khai phá.

Ông Huỳnh N3 có để lại di chúc với nội dung là để lại cho ông B và bà C2 toàn bộ quyền sử dụng đất trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B nộp di chúc này cho Tòa án, cụ thể là văn bản ghi ngày 17/4/91 theo ông B đây là văn bản chứa đựng nội dung di chúc, lúc còn sống ông N3 không biết chữ, chữ ký trong văn bản ghi ngày 17/4/91 là chữ ký của ông N3 theo ký tự chữ Tàu.

Từ nhỏ ông B sống chung với ông N3 và bà Y, sau này ông N3 và bà Y mất thì ông B là người quản lý và sử dụng thửa đất trên. Hiện nay trên diện tích đất có 01 căn nhà gỗ do ông N3 và bà Y xây dựng và có khoảng 30 cây điều khoảng 04 năm tuổi và khoảng 10 cây vú sữa khoảng 04 năm tuổi và khoảng 20 bụi tre khoảng 10 năm tuổi. Toàn bộ cây cối trên đất là do ông B trồng. Ngoài ra ông B còn cho ông Nguyễn Văn T1 thuê phần đất ông B đang quản lý, mỗi năm 03 triệu đồng thời hạn thuê là 05 năm, đất tranh chấp nhưng ông B vẫn cho ông T1 thuê đất vì hoàn cảnh ông B khó khăn. Hiện nay ông T1 đang trồng cây trên đất như cây dừa và một số cây kiểng trên chậu có thể bứng đi được.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông S và ông C thì ông B không đồng ý. Vì ông B không có tài sản nào khác, hiện nay ông B đang một mình nuôi 02 con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên ông B không đồng ý chia di sản của ông N3 và bà Y, đồng thời theo di chúc (văn bản ghi ngày 17/4/91) thì ông N3, bà Y để lại di sản này cho ông B và bà C2. Ngoài ra từ trước đến nay thì ông B là người quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất trên.

Trên thửa 223, tờ bản đồ 26 có 01 căn nhà cấp 4 do bà Huỳnh Thị K xây dựng vào khoảng năm 2016. Hiện nay bà C2 đang sống cùng chồng là ông H1. Hiện nay ông B đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1994 của ông Huỳnh N3, do không biết chữ nên từ khi được cấp đến nay ông B vẫn chưa đi đổi sổ. Nay các anh chị em thống nhất cho ông B và bà C2 300m^2 thổ cư thì ông B đồng ý. Ông B có mong muốn được nhận phần đất phía trên (thửa 223), tiếp giáp với phần đất của bà C2 đang sinh sống, còn căn nhà gỗ mà ông N3 và bà Y để lại hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên ông B không có yêu cầu gì, khi cần thiết có thể dỡ bỏ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh C1, do người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Công T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu của ông S và ông C. Ông T yêu cầu Tòa án chia diện tích đất thuộc thửa 60 và thửa 279 tờ bản đồ số 82 theo đo đạc thực tế cho 09 người thừa kế của ông N3 và bà Y. Trong đó ông C1 được hưởng 1/9 diện tích đất nêu trên.

Ông T đồng ý với M1 trích đo địa chính ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cũng như giá mà Hội đồng định giá đã định.

3.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà Đ là em của ông S và là chị ruột của ông C và ông B.Mẹ của bà Đ tên Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1935 chết vào năm 1992; cha tên Huỳnh N3, sinh năm: 1930 chết vào năm 2000. Cha mẹ bà Đ đều không để lại di chúc.

Bà Y và ông N3 có 08 người con chung như sau: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957; Bà Huỳnh Thị B1, sinh năm 1959; Ông Huỳnh Minh C1, sinh năm 1960; Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1967; Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1969; Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1970; Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm 1975; Bà Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1979.

Ngoài ra bà Y có 01 con riêng là ông Huỳnh Văn S, ông S được bà Y đưa về sinh sống với ông N3 từ năm ông S 03 tuổi, họ của ông S là họ H2 là họ của ông N3. Tuy ông S là con riêng của bà Y nhưng bà Đ và các anh chị em khác trong gia đình đều xem ông S là con ruột của bà Y và ông N3, không có sự phân biệt con chung hay con riêng, vì ông Sơn S1 hòa thuận và vất vả trong việc trông nom, chăm sóc 08 người con chung của ông N3 và bà Y, trong đó có bà Đ, nên các anh chị em đều xem ông S là anh cả trong gia đình. Ngoài ra ông N3 và bà Y không còn con nuôi hay con riêng nào khác. Nay ông S và ông C yêu cầu chia di sản của bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh N3 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 145 tờ bản đồ số 07 (nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26) qua đo đạc thực tế có diện tích 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X theo quy định của pháp luật thì bà Đ đồng ý. Về nguồn gốc quyền sử dụng đất trên là do bố mẹ bà Đ khai hoang mà có, khi khai hoang có cả ông S và bà Đ khai hoang. Trên đất hiện nay có 01 căn nhà gỗ cấp 4 cất năm 1979 có diện tích 104m^2 do bà Y và ông N3 xây dựng và có khoảng 10 gốc điều khoảng trên 20 năm tuổi. Tất cả công trình và tài sản trên đất là do bố mẹ bà Đ xây dựng. Hiện nay ông B là người quản lý và sử dụng diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất. Trường hợp được chia thì bà Đ yêu cầu lấy bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa 60, thửa 279 tờ bản đồ số 82 (nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26) có diện tích 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P. Đối với các cây trồng trên đất cũng như các ngôi mộ trên đất, ai được chia thì tiếp tục quản lý sử dụng, căn nhà gỗ trên đất hiện đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên bà Đ không yêu cầu chia mà để ai được chia phần đất có nhà thì tiếp tục quản lý đến khi nào căn nhà này không sử dụng được nữa thì tự dỡ bỏ. Đối với các phần mộ trên đất thì ai được chia phần đất có mộ thì tiếp tục quản lý và các thừa kế khác được đến thăm viếng. Đối với các cây trồng trên đất mà ông T1 trồng, do ông B cho ông T1 thuê đất thì ai được chia phần đất nào sẽ tự thương lượng giải quyết với ông T1, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Đ thống nhất

với M1 trích đo địa chính ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X cũng như giá mà Hội đồng định giá đã định. Bà Đ đồng ý để phần đất thổ cư 300m^2 cho ông B và bà C2 như phần trình bày của ông S.

3.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B1 trình bày:

Bà B1 thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Bà B1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S và ông C, về con chung, con riêng của ông N3 bà Y, bố mẹ bà B1 hiện nay đã chết và không để lại di chúc. Khi còn sống ông N3 và bà Y tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 60, thửa 279 tờ bản đồ số 82, (nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26) có diện tích 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X. Nguồn gốc đất này là do ông N3 và bà Y khai hoang từ năm 1975, khi khai hoang có cả ông S, bà Đ, bà B1 cùng khai hoang. Hiện nay trên thửa đất trên có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 104m^2 và có khoảng 10 gốc điều khoảng trên 20 năm tuổi do ông N3 và bà Y T4 và xây dựng. Ông Huỳnh Tấn B là người đang quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản trên. Nay bà B1 đồng ý chia di sản của ông N3 và bà Y là quyền sử quyền sử dụng đất thuộc thửa 60, thửa 279 tờ bản đồ số 82 (nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26) có diện tích qua đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X theo quy định của pháp luật. Bà B1 có nguyện vọng được nhận phần đất tại lô C của thửa 223, tờ bản đồ số 26 vì bà B1 đang có đất sử dụng liền kề. Bà B1 cũng thống nhất với việc phân chia tài sản trên đất như phần trình bày của bà Đ. Bà B1 đồng ý chia 300m^2 thổ cư cho ông B, bà C2 cất nhà, không phải hoàn trả lại giá trị thổ cư cho các thừa kế khác.

3.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 trình bày:

Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc tài sản của ông N3 và bà Y N4 bà Đ trình bày là đúng, bà N1 không bổ sung gì thêm. Về vấn đề chia tài sản thừa kế theo yêu cầu của ông S, ông C thì bà N1 không đồng ý vì đây là tài sản ông N3, bà Y để lại cho ông B và bà C2 theo bản di chúc ghi ngày 17/4/91. Bà N1 đồng ý chia 300m^2 thổ cư cho ông B, bà C2 cất nhà không phải hoàn trả lại giá trị thổ cư cho các thừa kế khác, bà N1 không tranh chấp, cũng không yêu cầu gì.

3.5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà M thống nhất với ý kiến của bà Đ. Nay bà M đồng ý chia di sản của ông N3 và bà Y là quyền sử dụng đất thuộc thửa 60; 279 tờ bản đồ số 82 (nay là thửa 223, 192 tờ bản đồ 26) có diện tích qua đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X theo quy định của pháp luật. Bà M cũng thống nhất với việc phân chia tài sản trên đất như phần trình bày của bà Đ. Bà M đồng ý chia 300m^2 thổ cư cho ông B, bà C2 cất nhà không phải hoàn trả lại giá trị thổ cư cho các thừa kế khác.

3.6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim C2 trình bày:

Bà C2 là em ông Huỳnh Văn C và Huỳnh Tấn B. Ông H1 là chồng của bà C2. Ông Huỳnh Văn S là con riêng của bà Nguyễn Thị Y. Cha mẹ bà C2 (ông N3, bà Y) có 08 người con chung tên Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Văn C3, Huỳnh Thị B1,

Huỳnh Thị N1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn B và Huỳnh Thị Kim C2. Ngoài ra còn mấy người bị mất từ nhỏ bà C2 không biết rõ. Bà C2 biết ông S là con riêng là do các chị em trong nhà nói lại. Bà C2 chưa từng nhìn thấy giấy khai sinh của ông S, xóm làng ai cũng biết, ông S là con riêng của bà Y.

Bà Nguyễn Thị Y mất năm 1992, còn ông N3 mất là vào năm 2000. Bà Y mất không để lại di chúc, riêng ông N3 mất thì bà C2 được biết là ông N3 có kêu người anh rể của bà C2 tên là Bùi Ngọc T3 (địa chỉ: khu phố X, thị trấn P, huyện X; là chồng của bà Huỳnh Thị B1) để viết giấy di chúc do ông N3 không biết chữ. Còn cụ thể di chúc như thế nào thì bà C2 không biết. Do bà C2 không biết chữ nên bà C2 chỉ nghe các anh chị tên N1, B nói là ông N3 có để lại di chúc một thời gian thất lạc nhưng sau đó lục ra được di chúc này đã bị mối ăn một phần, còn một phần, có chữ ký của ông N3 là chữ Tàu do ông N3 là người Tàu. Bà C2 có nhìn thấy tờ di chúc này một lần, di chúc này hiện ông Huỳnh Tấn B đang giữ bản chính.

Khi cha mẹ bà C2 mất thì để lại tài sản là diện tích đất khoảng 12.000m^2 đã được cấp chứng nhận QSD đất tên ông Huỳnh N3, hiện giấy này ai giữ bà C2 không biết. Bà C2 cũng không biết số thửa số tờ bản đồ là bao nhiêu. Sau khi ông N3 mất (năm 2000) thì ông B là người quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất trên và ông B cũng là người thực hiện các nghĩa vụ đóng thuế đất với Nhà nước và giỗ cha mẹ.

Đến năm 2016 thì vợ chồng bà C2 được sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình nhưng không bằng văn bản chỉ nói bằng miệng là đồng ý cho vợ chồng bà C2 cất nhà trên đất do cha mẹ để lại; ông S, ông C cũng không có ý kiến gì. Khi ông N3 còn sống thì ông N3 đã có ý nguyện là để cho vợ chồng bà C2 cất nhà ở phần trên còn ông B sẽ cất nhà ở phần đất phía dưới. Năm 2016 ông B chỉ cho bà C2 cất nhà ở phía trên, ông B ở phía dưới, vì các anh chị khác đã có nhà đất riêng. Khi bà C2 cất nhà thì các chị em trong gia đình không ai ngăn cản, cũng không ai có ý kiến gì.

Trên đất tranh chấp vợ chồng bà C2 xây dựng được tài sản chung là căn nhà cấp 4, diện tích 120m^2 nền gạch men, tường xây, mái tôn. Ngoài ra còn có 04 trang trại để nuôi gà: 02 trang trại cất tạm; 02 trang trại kiêng cố mỗi trang trại có diện tích 90m^2 kết cấu: trụ sắt, máy tôn, vách tôn. Ngoài ra trên đất còn có trồng cây kiểng trên chậu và dưới đất, như cây cẩm lai, gõ đỏ, lộc vừng, me, sứ… Diện tích đất mà nguyên đơn đang tranh chấp hiện tại chỉ có bà C2 và ông B đang quản lý, sử dụng. Diện tích đất này có 01 con đường chạy ngang chia đất làm 02 phần. Vợ chồng bà C2 cất nhà ở phần trên, còn ông B vẫn ở trong căn nhà của cha mẹ để lại ở phần đất phía dưới.

Nay ông S và ông C yêu cầu Tòa án chia thừa kế là diện tích đất thuộc thửa 60 và thửa 279 tờ bản đồ số 82 (nay là thửa 223, 92 tờ bản đồ 26) có diện tích qua đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 tọa lạc tại thị trấn P, huyện X theo quy định của pháp luật thì bà C2 không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của ông S,

ông C thì vợ chồng bà C2 cũng không có ý kiến gì cũng như yêu cầu gì về căn nhà đã cất và tài sản trên đất.

Nay tại phiên tòa các anh chị, đồng ý nhường phần đất thổ cư 300m^2 cho bà C2 và ông B thì bà C2 đồng ý, vì các anh chị khác đã có nhà ở ổn định, riêng bà C2 chưa có thổ cư và ông B chưa có nhà ở ổn định nên đồng ý được nhận phần đất có thổ cư.

3.7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Dũng H1 trình bày:

Ông H1 thống nhất với lời trình bày của bà C2, ông H1 không bổ sung gì thêm.

3.8. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 *(người ông* Huỳnh Tấn B *cho thuê đất), ông* Lê Văn T2 *(do bị đơn đang sử dụng lấn sang đất ông* T2 *thửa 193) và* UBND thị trấn P *(do bị đơn, người liên quan đang sử dụng lấn sang đất giao thông thửa 144)* nhưng các đương sự nêu trên vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các đương sự nêu trên.

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn S, Huỳnh Văn C đối với ông Huỳnh Tấn B về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

2. Những người thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh N3 và bà Nguyễn Thị Y gồm 09 người bao gồm các ông, bà Huỳnh Văn S, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị B1, Huỳnh Minh C1, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Văn C, Huỳnh Thị M, Huỳnh Tấn B, Huỳnh Thị Kim C2.

3. Di sản thừa kế của ông Huỳnh N3 và bà Nguyễn Thị Y được chia thừa kế gồm có: 10.083,5m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) thuộc thửa 415 tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ lập năm 1992); tương ứng thửa 60; 279 tờ bản đồ số 82 (bản đồ số hóa năm 2005) và tương ứng với thửa 223, 192 tờ bản đồ 26 (bản đồ lập năm 2020) thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00485/QSDĐ/00150 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/4/1994 cho ông Huỳnh Ngương .

Tổng giá trị các di sản nêu trên là 24.168.998.000đ, được chia cho 09 người thừa kế như sau:

3.1. Bà Huỳnh Thị Kim C2 tiếp tục được quản lý, sử dụng Lô A diện tích 1.261,5m^2 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trị giá 3.067.740.000đ và toàn bộ tài sản trên đất. Trong đó có 150m^2 đất thổ cư. Đối với các trang trại, mái che tạm vượt ngoài diện tích đất mà bà C2 được hưởng thừa kế (Lô A) cũng như các cây trồng được trồng ngoài diện tích đất được chia thừa kế thì bà C2 và ông H1 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần vượt ngoài phần đất này để trả lại nguyên trạng phần đất lô B, cũng như lô C (nếu có) cho người được chia thừa kế khác.

3.2. Ông Huỳnh Tấn B được quản lý, sử dụng Lô B diện tích 1.362.9m^2 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 3.347.604.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất. Trong đó có 150m^2 đất thổ cư cùng mộ phần trên đất.

3.3. Bà Huỳnh Thị B1 được quản lý, sử dụng Lô C diện tích 1.299,4m^2 thuộc thửa 223, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trị giá 3.586.344.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất, trong đó có mộ phần.

3.4. Ông Huỳnh Văn S được quản lý, sử dụng Lô D diện tích 1.089,1m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.504.930.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3.5. Ông Huỳnh Văn C được quản lý, sử dụng Lô Đ diện tích 1.026,3m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.360.490.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3.6. Ông Huỳnh Văn C3 được quản lý sử dụng Lô G diện tích 1.026,3m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.360.490.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3.7. Bà Huỳnh Thị N1 được quản lý sử dụng Lô H diện tích 1.026,7m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.361.410.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3.8. Bà Huỳnh Thị M được quyền quản lý sử dụng Lô L diện tích 1.026,5m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.360.950.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3.9 Bà Huỳnh Thị Đ được quyền quản lý sử dụng Lô M diện tích 964,8m^2 thuộc thửa 192, tờ bản đồ số 26 thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trị giá 2.219.040.000đ, cùng toàn bộ tài sản trên đất.

4. Thanh toán phần giá trị chênh lệch do chia bằng hiện vật:

Bà Huỳnh Thị B1 phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn S 180.514.000đ (một trăm tám mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị B1 phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn C 324.954.000đ (ba trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị B1 phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn C3 324.954.000đ (ba trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị B1 phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị N1 70.478.000đ (bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng);

Ông Huỳnh Tấn B phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị N1 253.556.000đ (hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng);

Ông Huỳnh Tấn B phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị M 324.494.000đ (ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng);

Ông Huỳnh Tấn B phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Đ 84.110.000đ (tám mươi bốn triệu một trăm mười nghìn đồng);

Bà Huỳnh Thị Kim C2 phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Đ 382.294.000đ (ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

5. Các ông, bà Huỳnh Văn S, Huỳnh Văn C, Huỳnh Văn C3, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị Đ, tự thỏa thuận giải quyết tài sản trên các lô được chia liên quan đến các cây trồng, tài sản trên đất mà ông Huỳnh Tấn B cho ông Nguyễn Văn T1 thuê. Trường hợp nếu không thỏa thuận được các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

6. Công nhận cho các đương sự về việc ai được phân chia diện tích đất nào thì được sử dụng cây trái, tài sản gắn liền với đất (trừ phần tài sản của ông T1 trên đất thuê nêu trên).

7. Quyền sử dụng đất, tài sản trên đất được chia nêu trên thể hiện tại mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X, ký ngày 11/7/2022 (đính kèm theo bản án).

8. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, tiến hành thủ tục tách, nhập, thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án này và theo quy định của pháp luật.

9. Ông Huỳnh Tấn B được quyền lưu cư tại căn nhà gỗ thuộc lô G và lô H thửa 192, tờ bản đồ 26, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực. Trong thời hạn lưu cư, ông Huỳnh Tấn B không được làm thay đổi hiện trạng nhà đất và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung kháng cáo:

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, bị đơn ông Huỳnh Tấn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Kim C2 (do bà Nguyễn Thị Bích N là người đại diện theo ủy quyền ký đơn kháng cáo) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên quyền sử dụng đất thuộc về ông Huỳnh Tấn B và bà Huỳnh Thị Kim C2.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị Kim C2, bà Huỳnh Thị M là bà Nguyễn Thị Bích N cung cấp tài liệu, chứng cứ mới gồm:

01 Phiếu thu ngày 22/10/1999 (bản chính);

01 khế ước vay tiền ngày 24/4/1998 (bản chính);

01 khế ước vay tiền ngày 08/5/1997 (bản chính);

01 Biên bản định giá tài sản thế chấp năm 1998 (bản chính);

01 Giấy xác nhận ngày 24/01/19936 (bản chính);

01 Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 25/8/2023 (bản chính);

Ngoài ra, không ai bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

7. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự để tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Tấn B và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị N1, bà Huỳnh Thị Kim C2 (do người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bích N ký đơn kháng cáo) đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Huỳnh Tấn B và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị N1, bà Huỳnh Thị Kim C2 thì thấy:

[2.1] Về hàng thừa kế và di sản thừa kế:

Theo xác nhận của các đương sự, cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để xác định:

Cụ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1935 chết vào năm 1992; cụ Huỳnh N3, sinh năm 1930 chết vào năm 2000. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y và cụ N3 gồm có các ông (bà): Huỳnh Văn S, sinh năm 1952; Huỳnh Thị Đ, sinh năm1957; Huỳnh Thị B1, sinh năm 1959; ông Huỳnh Minh C1, sinh năm 1960; Huỳnh Thị N1, sinh năm 1967; Huỳnh Văn C, sinh năm 1969; Huỳnh Thị M, sinh năm 1970; Huỳnh Tấn B, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Thị Kim C2, sinh năm 1979.

Di sản của cụ Nguyễn Thị Y và cụ Huỳnh N3 chết để lại là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa 415 tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ lập năm 1992); tương ứng thửa 60, thửa 279 tờ bản đồ số 82 (bản đồ số hóa năm 2005) và tương ứng với thửa 223, thửa 192 tờ bản đồ 26 (bản đồ lập năm 2020) tọa lạc tại thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00485/QSDĐ/00150 do UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/4/1994 cho ông Huỳnh N5 có diện tích đo đạc thực tế là 10.083,5m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư), cùng tài sản gắn liền với đất là căn nhà gỗ do ông N3 và bà Y xây dựng. Toàn bộ di sản này hiện nay đang được ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị Kim C2 quản lý và sử dụng.

Do đó, những người thừa kế của cụ N3, cụ Y được quyền yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ N3, cụ Y chết để lại theo quy định của pháp luật hoặc theo di chúc.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị N1 và bà Huỳnh Thị Kim C2 yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Y, cụ Huỳnh N3 theo nội dung bản di chúc (di ngôn) ngày 17/4/91 của cụ Huỳnh N3; không đồng ý phân chia theo pháp luật như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Thứ nhất, ông Huỳnh Tấn B cung cấp 01 văn bản đề ngày 17/4/91 có nội dung: *"Tài sản: nhà, vườn, đất chia cho 2 anh em* Huỳnh Tấn B *6 và* Huỳnh Thị Kim C2 *4"* có chữ ký người cho cha Huỳnh Ngươn .1 Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị N1 và bà Huỳnh Thị Kim C2 trình bày: Chữ viết trong văn bản ngày 17/4/91 là do chồng của bà Huỳnh Thị B1 là ông Bùi Ngọc T3 viết, còn chữ ký là của ông Huỳnh Ngươn .1 Như vậy, để xem xét tính có hiệu lực của di chúc, cần thiết phải làm rõ: văn bản đề ngày 17/4/91 có phải là ý chí của ông Huỳnh N3 hay không, các đương sự có đồng ý đây là chữ ký của ông Huỳnh N3 hay không, trường hợp có đương sự cho rằng đây không phải là chữ ký của ông N3 thì phải chứng minh qua việc giám định chữ ký. Xác minh lấy lời khai của ông Bùi Ngọc T3 về việc có được ông Huỳnh N3 trao đổi ý chí trước khi viết văn bản đề ngày 17/4/91 không, khi ký vào văn bản ông N3 có đủ minh mẫn, tỉnh táo không, có bị ai ép buộc hay đe dọa không. Cần tiến hành xác minh tại địa phương ông Huỳnh N3 còn có những tài sản là quyền sử dụng đất, vườn, nhà ở nào khác hay chỉ có duy nhất tài sản đang tranh chấp hiện nay. Từ đó, đối chiếu với quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1990 để đánh giá tính có hiệu lực của văn bản ngày 17/4/91.

Tuy nhiên, những nội dung này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa có cơ sở để đánh giá tính có hiệu lực của văn bản đề ngày 17/4/91.

Thứ hai, các đương sự yêu cầu phân chia di sản thừa kế là tài sản chung của cụ Y và cụ N3. Như vậy, cụ N3 không được quyền định đoạt đối với phần tài sản của cụ Y trong khối tài sản chung của vợ chồng. Theo đó, trường hợp có căn cứ xác định vào năm 1991 cụ N3 đã định đoạt chia tài sản của mình cho con là ông B, bà C2 thì chỉ có giá trị một nửa trong khối tài sản chung với cụ Y. Theo xác nhận của các đương sự, cụ Y chết không để lại di chúc. Do đó, có căn cứ để phân chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Y để lại trong khối tài sản chung với cụ N3 cho những người thừa kế.

Thứ ba, tại phiên tòa phúc thẩm, ông B cho rằng: sau khi được ông N3 để lại tài sản thì ông B có đóng góp công sức trong việc giữ gìn, quản lý và tôn tạo tài sản, thể hiện qua việc cung cấp các khế ước vay tiền của ông Huỳnh N3 tại Ngân hàng N6 – Chi nhánh huyện X vào các năm 1997, 1998; có thế chấp tài sản là 1 mẫu 2 đất xóm rẫy, 01 nhà ngói xóm rẫy; 01 phiếu thu thể hiện người nộp tiền vào Ngân hàng là ông B và biên lai nộp thuế đất. Để có căn cứ đánh giá, Tòa án phải xác minh tại Ngân hàng để làm rõ: có việc ông N3 thế chấp tài sản đang tranh chấp nêu trên để vay tiền không? Ông B có phải là người đã thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng không? Trường hợp có cơ sở xác định lời trình bày của ông B là đúng thì khi phân chia di sản thừa kế của cụ Y, cụ N3 theo pháp luật cần phải xem xét đến công sức đóng góp, giữ gìn, quản lý, tôn tạo di sản của ông B.

Như vậy, các tài liệu, chứng cứ mới được ông B cung cấp tại phiên tòa cấp phúc thẩm chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện được; nên chưa có đủ căn cứ xem xét yêu cầu của các đương sự liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế của ông N3, bà Y chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử phân chia di sản thừa kế của ông N3, bà Y chết để lại cho các thừa kế khi chưa xem xét hết các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự khai và cung cấp. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, bà C2, bà N1; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc để xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị N1 và bà Huỳnh Thị Kim C2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn B, bà Huỳnh Thị N1 và bà Huỳnh Thị Kim C2 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà mỗi người đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu số 0000783, 0000782, 0000784 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Xuân Long